

Bản án số: 195/2026/HS-PT
Ngày 17/8/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch và ông Vũ Đức Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Huê, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 171/2026/TLPT-HS ngày 04 tháng 6 năm 2026 đối với các bị cáo **Trần Trường G, Trần Đức H, Trần Hoàng L, Cao Khắc L1, Trần Đức T, Nguyễn Tấn P, Hồ Sỹ S, Nguyễn Đức P1**, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2026/HS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Trường G, sinh năm: 1992 tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: **Thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ Văn hóa: 11/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; giới tính: Nam; Con ông **Trần Văn H1**, sinh năm: 1961 và bà **Lê Thị T1**, sinh năm: 1963. Có vợ là **Phùng Thị Cẩm L2**, sinh năm 1990 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 15/5/2025 đến ngày 25/5/2025 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Hiện đang tại ngoại tại **Thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng** – *Có mặt*.

2. Trần Đức H, sinh năm: 2000 tại tỉnh Đắk Nông (Nay là tỉnh Lâm Đồng); Nơi cư trú: **Thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ Văn hóa: 11/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Con ông **Trần Đức M**, sinh năm: 1976 và con bà **Trần Thị V**, sinh năm: 1977. Có vợ là **Lê Thị My N**, sinh năm: 2002 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Hiện đang tại ngoại tại **Thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng** – *Có mặt*.

3. Trần Hoàng L, sinh năm: 1996 tại tỉnh Đắk Nông (Nay là tỉnh Lâm

Đồng); Nơi cư trú: **Thôn A, xã T, tỉnh Lâm Đồng**; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ Văn hóa: 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; giới tính: Nam; Con ông **Trần Văn H2**, sinh năm: 1960 và bà **Phan Thị T2**, sinh năm: 1971. Có vợ là **Nguyễn Thị Thùy L3**, sinh năm: 1998 và 01 con sinh năm: 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 02/7/2020 bị **Ủy ban nhân dân huyện Đ**, tỉnh Đắk Nông (cũ) xử phạt 62.500.000 đồng về hành vi vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo Quyết định số 794/QĐ-XPHC. Qua điều tra xác minh, bị can chưa thi hành xong quyết định xử phạt đối với số tiền trên. Việc không thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là do lỗi của cơ quan ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính không theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt, đến nay đã hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, do đó bị cáo được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Ngày 30/11/2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông (cũ) xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 58/2012/HSST. Bị cáo kháng cáo, tại Bản án hình sự phúc thẩm số 24/2013/HSPT ngày 27/02/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông (cũ) tuyên xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử phạt 09 tháng tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 29/5/2013 và các quyết định khác của bản án (đã được xóa án tích theo quy định).

Ngày 16/12/2014 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông (cũ) xử phạt 03 năm tù về tội “Chống người thi hành công vụ” tại Bản án số 50/2014/HSST. Sau đó Viện kiểm sát kháng nghị, bị cáo kháng cáo, tại Bản án hình sự phúc thẩm số 29/2015/HSPT ngày 12/3/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông tuyên xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử phạt 03 năm tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 14/10/2016 và các quyết định khác của bản án (đã được xóa án tích theo quy định).

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2025 đến ngày 27/6/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh; Trong thời gian được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh trong vụ án này, ngày 25/5/2026 bị cáo **Trần Hoàng L** bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh L** bắt, tạm giam để điều tra về hành vi có dấu hiệu phạm tội trong một vụ án khác. Hiện bị cáo đang bị tạm giam trong một vụ án khác tại Phân trại tạm giam **B** – Trại tạm giam số 01, **Công an tỉnh L** – *Vắng mặt*.

4. Cao Khắc L1, sinh năm: 1968 tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: **Thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng**; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ Văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Con ông **Cao D** và con bà **Huỳnh Thị B** (đều đã chết). Có vợ là **Trần Thị N1**, sinh năm: 1973 và 03 con, lớn nhất sinh năm: 1993, nhỏ nhất sinh năm: 1998; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 19/8/2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông (cũ) xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” tại Bản án số 38/2011/HSST, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và các quyết định khác của bản án (đã được xóa án tích theo quy định).

Ngày 06/8/2013, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông (cũ) xử phạt số tiền 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” tại Bản án số 47/2013/HSST, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và các quyết định khác của bản án (đã được xóa án tích theo quy định).

Ngày 07/8/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông (cũ) xét xử, tuyên phạt 02 năm tù về tội “Đánh bạc” tại Bản án số 31/2018/HS-ST, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 14/01/2020 và các quyết định khác của bản án (đã được xóa án tích theo quy định).

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2025 đến ngày 27/6/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; Hiện đang tại ngoại tại **Thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng** – *Có mặt*.

5. Trần Đức T, sinh năm: 1988 tại tỉnh Đăk Nông (Nay là tỉnh Lâm Đồng); Nơi cư trú: **Thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng**; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ Văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Con ông **Trần B1**, sinh năm: 1952 và con **Phạm Thị H3** (đã chết). Có vợ là **Nguyễn Thị Bảo N2**, sinh năm: 1989 và 02 con, lớn nhất sinh năm: 2011, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 23/6/2015, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông (cũ) xử phạt số tiền 20.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” tại Bản án số 40/2015/HSST, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và các quyết định khác của bản án (đã được xóa án tích theo quy định).

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2025 đến ngày 27/6/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; Hiện đang tại ngoại tại **Thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng** – *Có mặt*.

6. Nguyễn Tấn P, sinh năm: 1988 tại tỉnh Đăk Lăk; Nơi cư trú: **Thôn C, xã T, tỉnh Lâm Đồng**; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ Văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Con ông **Nguyễn Tấn B2** (đã chết) và con bà **Huỳnh Thị N3**, sinh năm 1962. Có vợ là **Hồ Thị B3**, sinh năm: 1990 và 02 con, **L4** nhất sinh năm: 2012, nhỏ nhất sinh năm: 2014; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 15/5/2025 đến ngày 25/5/2025 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Hiện đang tại ngoại tại **Thôn C, xã T, tỉnh Lâm Đồng** – *Có mặt*.

7. Hồ Sỹ L5, sinh năm: 1989 tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: **Bon B, xã Q, tỉnh Lâm Đồng**; Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ Văn hóa: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Con ông **Hồ Sỹ T3**, sinh năm: 1960 và bà **Lê Thị S1**, sinh năm 1961. Chưa có vợ, có 01 con sinh năm: 2015; Tiền sự: Không.

Tiền án: 02 tiền án:

Ngày 04/01/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông (cũ) xử phạt số tiền 25.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” tại Bản án số 01/2019/HSST, bị cáo đã thi hành được 5.000.000 đồng và đóng nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, số tiền còn lại 20.000.000 đồng bị cáo chưa thi hành xong.

Ngày 26/11/2020, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đắk G’Long, tỉnh Đắk Nông (cũ) xử phạt 03 năm 03 tháng tù về tội “Đánh bạc” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2020/HS-ST. Bị cáo kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm nêu trên. Ngày 10/3/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông (cũ) không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm, xử phạt bị can 03 năm 03 tháng tù về tội “Đánh bạc” tại Bản án hình sự phúc thẩm số 18/2021/HS-PT, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đóng nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án hình sự phúc thẩm 200.000 đồng, bản án tuyên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, chưa được xóa án tích. Ngày 15/5/2025 tiếp tục thực hiện hành vi Đánh bạc, như vậy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Nhân thân:

Ngày 03/5/2009 bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng khởi tố về tội “Cố ý gây thương tích”. Ngày 03/9/2009 được đình chỉ điều tra vụ án, đình chỉ điều tra bị can (do bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố).

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2025 đến ngày 27/6/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; Hiện đang tại ngoại tại B, xã Q, tỉnh Lâm Đồng – Có mặt.

8. Nguyễn Đức P1, sinh năm: 1994 tại tỉnh Lâm Đồng; Nơi thường trú: Bon R, xã T, tỉnh Lâm Đồng; Nơi ở hiện nay: Bon B, xã T, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ Văn hóa: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Con ông Nguyễn Đức T4 (đã chết) và con bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1961. Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 04/01/2023, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông (cũ) xử phạt 07 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” tại Bản án số 01/2023/HS-ST, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 04/3/2024 và các quyết định khác của bản án (đã được xóa án tích theo quy định).

Bị bắt tạm giam từ ngày 29/8/2025 đến ngày 03/10/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; Hiện đang tại ngoại tại Bon B, xã T, tỉnh Lâm Đồng – Có mặt.

9. Bị cáo không kháng cáo: Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1994 tại tỉnh Đắk Nông (Nay là tỉnh Lâm Đồng); Nơi cư trú: Thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ Văn hóa: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Con ông Nguyễn Văn B4, sinh năm: 1956 và con bà Tống Thị N4, sinh năm 1959. Có vợ là Nguyễn Thị H4, sinh năm: 1996 và 02 con, lớn nhất sinh năm: 2014, nhỏ nhất sinh năm: 2024; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 15/5/2025 đến ngày 25/5/2025 được áp dụng

biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang bị tạm giam trong một vụ án khác tại Phân trại tạm giam khu vực Đắc R’lấp thuộc trại tạm giam số 02 Công an tỉnh L – Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Văn H1, sinh năm 1961; Địa chỉ: Thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt.

- Bà Lê Thị T1, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Chị Võ Thị D1, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt.

- Anh Lâm Văn K, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, tỉnh Thái Bình – Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn D2, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ dân phố C, quận A, thành phố Hải Phòng – Vắng mặt.

- Anh Trịnh Xuân T5, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị T6, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 11 giờ 07 phút ngày 15/5/2025, Nguyễn Đức P1 gọi điện thoại cho Trần Trường G nói đang đến nhà bố mẹ G để đánh bạc. Do G thường xuyên đến nhà bố mẹ G và có chìa khóa nhà, nên G đi từ nhà mình đến nhà bố mẹ của G là ông Trần Văn H1 và bà Lê Thị T1, tại Thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng thì gặp P1 cũng vừa đến. Khi đến thì ông H1, bà T1 đang đi bán quán tạp hóa tại chợ (quán tạp hóa cách nhà ông H1, bà T1 khoảng 01 km) nên không có ở nhà. Từ khoảng 13 giờ 00 phút đến 13 giờ 57 phút cùng ngày, P1 gọi điện thoại rủ Nguyễn Tấn P; Trần Đức T; Nguyễn Văn Đ đến đánh bạc. Hồ Sỹ L5 và Cao Khắc L1 tự đến.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, sau khi P, T, Đ, L5, L1, P1 có mặt đầy đủ tại nhà bố mẹ của G thì cả nhóm thống nhất đánh bạc bằng hình thức đánh bài “Bình xập xám” thắng thua bằng tiền. Do P1 bận công việc không tham gia đánh bạc được nên P1 và Đ thỏa thuận góp chung tiền với nhau để đánh bạc với những người còn lại, Đ là người bỏ tiền ra trước để đánh bạc và trực tiếp đánh bạc, nếu đánh bạc thắng thì P1 và Đ sẽ chia nhau số tiền thắng bạc với tỷ lệ 50:50, nếu đánh bạc thua thì P1 và Đ sẽ chia nhau số tiền thua bạc với tỷ lệ 50:50. Do P1 sợ Đ đánh bài thua nên P1 nhờ G ngồi sau Đ để giúp Đ lên bài và đánh bài với những người còn lại thì G đồng ý. Để cho việc đánh bạc diễn ra thuận lợi và tránh sự phát hiện của Cơ quan Công an thì G gọi điện và thuê Trần Hoàng L và Trần Đức H đến làm nhiệm vụ canh giới ở khu vực phía trước và phía sau nơi các đối tượng đánh bạc, nếu phát hiện có người lạ mặt hoặc cơ quan

Công an thì **L** và **H** có nhiệm vụ báo cho **G** biết để đối phó, **L** và **H** được **G** trả tiền công 500.000 đồng/ngày/người. Trong quá trình đánh bạc, **G** còn giao nhiệm vụ cho **H** đi mua đồ ăn, nước uống, thuốc lá, bài Tây loại 52 lá để phục vụ cho các con bạc.

Đến khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, **P**, **L5**, **Đ**, **G**, **L1**, **T** bắt đầu đánh bạc, trong đó: **L1** thống nhất cùng với **T** góp chung số tiền 50.000.000 đồng để đánh 01 tụ, do **L1** mang theo 10.000.000 đồng nên **L1** nói **T** mượn thêm **G** 40.000.000 đồng, **L1** và **T** thay nhau lên bài để đánh bài với những người còn lại; **Đ** và **P1** thống nhất góp chung số tiền 40.000.000 đồng để đánh bạc, **Đ** bỏ ra trước số tiền 40.000.000 đồng, **G** ngồi sau **Đ** để giúp **Đ** bốc bài và đánh với những người còn lại; **P** mang theo 20.000.000 đồng và đánh 01 tụ; **L5** mang theo 45.500.000 đồng và đánh 01 tụ. Trước khi vào đánh bạc thì **G** thu tiền xâu mỗi tụ 500.000 đồng, tổng số tiền xâu **G** thu được của 04 tụ là 2.000.000 đồng. Trong khi **P**, **L5**, **Đ**, **G**, **L1**, **T** đánh bạc thì **P1** sử dụng số điện thoại 0838.484.484 nhắn tin vào số điện thoại 0934.744.848 của **Đ** nói **Đ** đánh bài cẩn thận, không cho ai ngồi sau vì sợ lộ bài và nhắn tin vào số điện thoại 0935.711.811 của **G** nhờ **G** không cho ai ngồi sau **Đ** vì sợ lộ bài. Khoảng 20 giờ 00 cùng ngày, **H5** (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đến sòng bạc, **H5** ngồi sau **P** và bốc bài, đánh bài giúp **P** nhiều ván. Đến lúc 20 giờ 50 phút cùng ngày, khi **G**, **Đ**, **L1**, **T**, **P**, **L5** đang thực hiện hành vi đánh bạc thì bị **Phòng C Công an tỉnh Đ** (nay là **Công an tỉnh L**) phát hiện bắt quả tang, riêng đối tượng **H5** bỏ chạy thoát. Thu giữ trên chiếu bạc: 07 bộ bài Tây loại 52 lá đã qua sử dụng, 07 bộ bài Tây loại 52 lá chưa qua sử dụng; thu giữ tổng số tiền 176.100.000 đồng.

Hình thức đánh bạc của các đối tượng như sau: Mỗi người cầm cái 01 ván (người chia bài), cụ thể: Khi bắt đầu chơi sẽ sử dụng bộ bài tây 52 lá, chia cho 04 người, mỗi người 13 lá bài. Sau đó, người chơi sắp xếp bài (binh bài) thành 03 chi: 05 lá bài cho chi một, 05 lá bài cho chi hai, 03 lá bài cho chi ba, phải sắp xếp sao cho chi một mạnh hơn chi hai và chi hai mạnh hơn chi ba nếu không sẽ tính là binh lũng (nếu binh lũng thì sẽ bị thua bài). Mỗi người chơi sắp xếp thành các chi khác nhau (binh bài), độ lớn của các chi được sắp xếp theo thứ tự tăng dần: Mậu thầu (các lá bài trong chi không có liên kết nào với nhau), đôi (hai lá bài đồng giá trị), thú (có hai đôi khác giá trị), xám cô (ba lá bài cùng giá trị), sảnh (các lá bài có giá trị liên tiếp nhau nhưng không cùng chất), thùng (các lá bài cùng chất nhưng không liên tiếp nhau), cù lũ (ba lá bài cùng giá trị và một đôi). Thứ tự các lá bài tăng dần từ 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, J, Q, K, A. Trường hợp bài mậu binh chỉ xét độ lớn, không xét chất của lá bài. Nếu các lá bài giống nhau thì xét hòa cho hai người chơi đó (bài hòa giữa người làm cái với người chơi thì người làm cái thắng, giữa những người chơi với nhau tính là hòa). Nếu bài mậu binh thì thắng mà không cần so sánh bài: 03 cái thùng; 03 cái sảnh; tứ quý (bốn lá bài cùng giá trị); thùng phá sảnh (năm lá bài liên tiếp nhau và cùng chất), nếu cái mậu binh và quân cũng mậu binh thì cái thắng. Sau khi binh bài xong, tất cả cùng lật bài và so sánh kết quả với nhau để tính ăn thua. Nếu trong tổng số 03 chi bài, thắng được 02 chi thì tính là thắng và ngược lại; người chơi nào thắng 01 chi, thua 01 chi và hòa 01 chi thì tính là hòa. Trong mỗi ván bài,

người nào thắng của người chơi còn lại thì được người đó chung (trả) số tiền tương ứng đã đặt cược (từ 300.000 đồng đến 900.000 đồng) với tỷ lệ 1:1 và ngược lại. Ván bài kết thúc khi người chơi so bài và trả tiền thắng thua xong.

Quá trình điều tra xác định số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc như sau:

Khi vào đánh bạc, **Cao Khắc L1** mang theo số tiền 10.000.000 đồng, **Trần Đức T** mượn **Trần Trường G** số tiền 40.000.000 đồng và đưa cho **Cao Khắc L1** để góp chung với nhau sử dụng vào mục đích đánh bạc là 50.000.000 đồng. Tại thời điểm bắt quả tang, thu giữ trên người **Cao Khắc L1** số tiền 55.700.000 đồng, **Cao Khắc L1** và **Trần Đức T** đang thắng số tiền 5.700.000 đồng.

Khi vào đánh bạc, **Nguyễn Tấn P** mang theo số tiền 20.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Tại thời điểm bắt quả tang, **Nguyễn Tấn P** thua hết số tiền 16.000.000 đồng, còn lại 4.000.000 đồng để trên chiếu bạc.

Khi vào đánh bạc, **Hồ Sỹ L5** mang theo số tiền 45.500.000 đồng, **Hồ Sỹ L5** sử dụng số tiền 20.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Tại thời điểm bắt quả tang, **Hồ Sỹ L5** thua hết số tiền 4.100.000 đồng, còn lại 15.900.000 đồng để trên chiếu bạc. Đối với số tiền 25.500.000 đồng, **Hồ Sỹ L5** mang theo trên người khi bắt quả tang thu giữ không sử dụng vào việc đánh bạc.

Khi vào đánh bạc, **Nguyễn Văn Đ** thống nhất với **Nguyễn Đức P1** góp chung tiền đánh bạc, **Đ** bỏ ra trước số tiền 40.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Tại thời điểm bắt quả tang, thu giữ trên người **Nguyễn Văn Đ** số tiền 57.000.000 đồng, **Nguyễn Văn Đ** đang thắng số tiền 17.000.000 đồng.

Căn cứ biên bản bắt người phạm tội quả tang, xác định tổng số tiền thu giữ khi bị bắt quả tang đã sử dụng vào mục đích đánh bạc của các đối tượng là 132.600.000 đồng, gồm tiền thu giữ trên chiếu bạc: 19.900.000 đồng; thu trên người các con bạc đã sử dụng vào mục đích đánh bạc: 112.700.000 đồng (thu giữ trên người của **Cao Khắc L1**: 55.700.000 đồng; thu giữ trên người của **Nguyễn Văn Đ**: 57.000.000 đồng).

Vật chứng đã thu giữ: Cơ quan CSĐT đã thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu khi bắt quả tang gồm:

T1 trên chiếu bạc: 07 bộ bài Tây loại 52 lá đã qua sử dụng; 07 bộ bài Tây loại 52 lá chưa qua sử dụng; số tiền 19.900.000 đồng.

Thu giữ trên người **Cao Khắc L1** số tiền 55.700.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Redmi 13C màu đen.

Thu giữ trên người **Nguyễn Văn Đ** số tiền 57.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max màu đen.

Thu giữ trên người **Trần Trường G** số tiền 10.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A16 màu trắng xám.

Thu giữ trên người **Hồ Sỹ L5** số tiền 25.500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen.

Thu giữ trên người **Trần Đức T** số tiền 8.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen.

Thu giữ trên người **Nguyễn Tấn P** 01 điện thoại di động hiệu Iphone 16 Pro Max màu đen.

Cáo trạng số: 12/CT-VKS-KV7 ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng quyết định truy tố bị cáo **Trần Trường G** về tội “*Đánh bạc*” và tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321; điểm c, d khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; Bị cáo **Hồ Sỹ L5** về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự; Các bị cáo **Cao Khắc L1**, **Trần Đức T**, **Nguyễn Tấn P**, **Nguyễn Văn Đ**, **Nguyễn Đức P1** về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự. Các bị cáo **Trần Hoàng L**, **Trần Đức H** về tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2026/HS-ST ngày 23 - 4 - 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo **Trần Trường G** phạm tội “*Đánh bạc*” và tội “*Tổ chức đánh bạc*”; Các bị cáo **Hồ Sỹ L5**, **Cao Khắc L1**, **Trần Đức T**, **Nguyễn Tấn P**, **Nguyễn Văn Đ** và **Nguyễn Đức P1** phạm tội “*Đánh bạc*”; Các bị cáo **Trần Hoàng L** và **Trần Đức H** phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”.

1.1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm c, d khoản 1 Điều 322; điểm s, u khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Trần Trường G** 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”; 02 (hai) năm tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, buộc bị cáo **Trần Trường G** phải chịu hình phạt chung của hai tội là 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 15/5/2025 đến ngày 25/5/2025

1.2. Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Hồ Sỹ L5** từ 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2025 đến ngày 27/6/2025

1.3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, u khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Cao Khắc L1 04 (bốn) năm tù về tội “*Đánh bạc*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2025 đến ngày 27/6/2025

Nguyễn Đức P1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 29/8/2025 đến ngày 03/10/2025

1.4. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Trần Đức T 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2025 đến ngày 27/6/2025

Nguyễn Tấn P 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 15/5/2025 đến ngày 25/5/2025

Nguyễn Văn Đ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 15/5/2025 đến ngày 25/5/2025

1.5. Căn cứ điểm c, d khoản 1 Điều 322 ; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Trần Hoàng L 02 (hai) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2025 đến ngày 27/6/2025

Trần Đức H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định truy thu sung quỹ nhà nước số tiền dùng để đánh bạc, số tiền thu lợi bất chính và tiền dùng để thuê người canh gác, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Các ngày 29/4/2026, ngày 04/5/2026 và ngày 07/5/2026, các bị cáo **Trần Trường G**, **Hồ Sỹ L5**, **Nguyễn Tấn P**, **Trần Hoàng L**, **Nguyễn Đức P1**, **Trần Đức T**, **Cao Khắc L1** và **Trần Đức H** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, đề nghị áp dụng hình phạt tiền hoặc cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, áp dụng hình phạt tiền hoặc cho hưởng án treo. Riêng các bị cáo **Nguyễn Tấn P**, **Trần Đức H**, **Trần Đức T** và **Nguyễn Đức P1** đề nghị được chuyển sang áp dụng hình phạt tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều thừa nhận việc Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng kết án về các tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm, khoản 1 Điều 322 và “Đánh bạc” theo khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan. Tuy nhiên, các bị cáo cho rằng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng là nghiêm khắc, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, các bị cáo **Trần Đức T**, **Trần Đức H**, **Nguyễn Tấn P** và **Hồ Sỹ L5** đã cung cấp bổ sung những tài liệu, chứng cứ mới có ý nghĩa trong việc xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Trần Trường G** trình bày: Sau khi vụ án này được Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, bị cáo tiếp tục bị **Công an xã K** bắt giữ để điều tra về hành vi “Đánh bạc”, vụ việc hiện đang được cơ quan có thẩm quyền điều tra, giải quyết. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh và các tình tiết liên quan để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c,

đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và đề nghị HĐXX:

- Giảm hình phạt cho mỗi bị cáo **Trần Trường G**, **Hồ Sỹ L5**, **Cao Khắc L1**, **Trần Hoàng L** và **Nguyễn Văn Đ** từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Áp dụng Điều 35 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, chuyển sang áp dụng xử phạt tiền cho các bị cáo **Nguyễn Tấn P**, **Nguyễn Đức P1** và **Trần Đức T**, với mức phạt từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với mỗi bị cáo.

- Áp dụng Điều 35 của Bộ luật Hình sự, chuyển sang áp dụng xử phạt tiền cho bị cáo **Trần Đức H**, với mức phạt từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và chấp nhận theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Bị cáo **Trần Hoàng L** có kháng cáo nhưng hiện đang bị tạm giam trong vụ án khác nên không thể tham gia phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo và xem xét kháng cáo của bị cáo theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo **Trần Trường G**, **Trần Đức T**, **Trần Đức H**, **Hồ Sỹ L5**, **Cao Khắc L1**, **Nguyễn Đức P1**, **Nguyễn Tấn P** đều thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Trần Trường G** về hai tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 322 và “*Đánh bạc*” theo khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo **Trần Đức H**, **Trần Hoàng L** về tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự; xử phạt các bị cáo **Hồ Sỹ L5**, **Cao Khắc L1**, **Trần Đức T**, **Nguyễn Tấn P**, **Nguyễn Văn Đ** và **Nguyễn Đức P1** về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Đối với bị cáo **Trần Trường G**: Xét thấy bị cáo là người khởi xướng việc đánh bạc, đồng thời sử dụng địa điểm thuộc quyền quản lý của mình để các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định

tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt 03 năm 09 tháng tù về tội “*Đánh bạc*” mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt đối với tội “*Đánh bạc*” và giữ nguyên mức hình phạt về tội “*Tổ chức đánh bạc*” là phù hợp.

[2.2]. Đối với bị cáo **Hồ Sỹ L5**: Bị cáo có nhân thân xấu, có 02 tiền án về tội “*Đánh bạc*” thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo **L5** đã cung cấp bổ sung giấy xác nhận của **Công an xã Q** thể hiện bị cáo có hành động báo tin, tố giác tội phạm góp phần hỗ trợ cơ quan chức năng phát hiện, xử lý hành vi vi phạm pháp luật, đồng thời địa phương xác nhận bị cáo có đóng góp tích cực trong hoạt động thiện nguyện tại địa phương. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự bị cáo mới cung cấp bổ sung tại cấp phúc thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Đánh bạc*” mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

[2.3]. Đối với bị cáo **Cao Khắc L1**: Mặc dù bị cáo đã từng nhiều lần bị kết án về tội đánh bạc nhưng bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích theo quy định của pháp luật nên được coi là chưa bị kết án; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, u khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo **Cao Khắc L1** với mức hình phạt 04 năm tù là tương đối nghiêm khắc, chưa xem xét đầy đủ tính chất mức độ hành vi và chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo **Cao Khắc L1**, giảm một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

[2.4]. Đối với bị cáo **Nguyễn Văn Đ**: Mặc dù bị cáo không kháng cáo, tuy nhiên, xét thấy trong cùng vụ án các bị cáo khác có kháng cáo được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Để bảo đảm sự công bằng, khách quan và tương xứng trong việc quyết định hình phạt giữa các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo **Nguyễn Văn Đ**.

[2.5]. Đối với các bị cáo **Trần Đức T**, **Nguyễn Đức P1**: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **T** đã cung cấp bổ sung giấy xác nhận của **Công an xã T** thể hiện bị cáo có hành động báo tin, tố giác tội phạm góp phần hỗ trợ cơ quan chức năng phát hiện, xử lý hành vi vi phạm pháp luật. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới được xem xét tại cấp phúc thẩm theo điểm u khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặc dù các bị cáo đã từng một lần bị kết án nhưng các bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích theo quy định pháp luật nên được coi là chưa bị kết án; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có thêm tình tiết giảm nhẹ mới bổ sung tại giai đoạn phúc thẩm, có nơi cư trú rõ ràng và khả năng thi hành hình phạt tiền. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có thể áp dụng hình phạt tiền cũng đủ tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Trần Đức T**, **Nguyễn Đức P1**, sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng áp dụng Điều 35 và Điều 54 Bộ luật Hình sự, chuyển sang áp dụng hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn đối với các bị cáo, xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tiền.

[2.6]. Đối với bị cáo **Nguyễn Tấn P**: Bị cáo **P** có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo **P** giúp **Công an xã T** phát hiện và bắt giữ tội phạm. Ngoài ra, tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo xuất trình nhiều tài liệu, chứng cứ mới gồm: Bị cáo có bà cố ngoại là mẹ Việt Nam anh hùng, ông ngoại là liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng; quá trình sinh sống, làm việc ở địa phương bị cáo thường xuyên tham gia ủng hộ, làm việc thiện nguyện, ngoài ra bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang chăm sóc mẹ già. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới theo điểm u khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà có thể áp dụng hình phạt tiền cũng đủ tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Tấn P**, sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng áp dụng Điều 35 và Điều 54 Bộ luật Hình sự, chuyển sang áp dụng hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn đối với bị cáo, xử phạt bị cáo bằng hình phạt tiền.

[2.7]. Đối với bị cáo **Trần Hoàng L**: Bị cáo tham gia vụ án với vai trò đồng phạm giúp sức, bị cáo được bị cáo **G** thuê làm nhiệm vụ canh giới. Mặc dù bị cáo đã nhiều lần bị kết án nhưng bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích theo quy định của pháp luật nên được coi là chưa bị kết án; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Xét thấy vai trò đồng phạm của bị cáo **L** là thứ yếu. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo **Trần Hoàng L** 02 năm tù là tương đối nghiêm khắc, chưa xem xét toàn diện tính chất, mức độ hành vi, vai trò đồng phạm và chính sách khoan hồng của pháp luật. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo **Trần Hoàng L**, giảm một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

[2.8]. Đối với bị cáo **Trần Đức H**: Bị cáo tham gia vụ án với vai trò đồng phạm giúp sức, chưa được hưởng lợi từ hành vi phạm tội. Vai trò đồng phạm của bị cáo **H** là thứ yếu. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo **H** đã cung cấp bổ sung giấy xác nhận của **Công an phường N** thể hiện bị cáo có hành động báo tin, tố giác tội phạm góp phần hỗ trợ cơ quan chức năng phát hiện, xử lý hành vi vi

phạm pháp luật, đồng thời bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình, đã ly hôn và đang trực tiếp nuôi con nhỏ (*con sinh năm 2019*). Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới được xem xét tại cấp phúc thẩm theo điểm u khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng thi hành hình phạt tiền. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có thể áp dụng Điều 35 và Điều 54 Bộ luật Hình sự, chuyển sang áp dụng hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn đối với bị cáo, xử phạt bị cáo bằng hình phạt tiền cũng đủ tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[3]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo **Trần Trường G, Trần Đức T, Trần Hoàng L, Trần Đức H, Hồ Sỹ L5, Cao Khắc L1, Nguyễn Tấn P, Nguyễn Đức P1** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Trần Trường G, Trần Đức T, Trần Hoàng L, Trần Đức H, Hồ Sỹ L5, Cao Khắc L1, Nguyễn Tấn P và Nguyễn Đức P1**, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2026/HS-ST ngày 23 - 4 - 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng về phần hình phạt và điều luật áp dụng.

1. Tuyên bố bị cáo **Trần Trường G** phạm tội “*Đánh bạc*” và tội “*Tổ chức đánh bạc*”; các bị cáo **Trần Đức H, Trần Hoàng L** phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”; các bị cáo **Nguyễn Tấn P, Nguyễn Đức P1, Trần Đức T, Hồ Sỹ L5, Cao Khắc L1 và Nguyễn Văn Đ** phạm tội “*Đánh bạc*”.

1.1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm c, d khoản 1 Điều 322; điểm s, u khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Trường G** 03 (ba) năm tù về tội “*Đánh bạc*” và 02 (hai) năm tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Tổng hợp chung hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 15/5/2025 đến ngày 25/5/2025.

1.2. Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 321; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Hồ Sỹ L5** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án,

được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2025 đến ngày 27/6/2025.

1.3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, u khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Cao Khắc L1** 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2025 đến ngày 27/6/2025.

1.4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ** 03 (ba) năm tù về tội “*Đánh bạc*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 15/5/2025 đến ngày 25/5/2025.

1.5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 35; điểm s, u khoản 1 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt tiền bị cáo **Nguyễn Đức P1** 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) về tội “*Đánh bạc*”.

1.6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 35; điểm s, u khoản 1 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt tiền bị cáo **Trần Đức T** 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) về tội “*Đánh bạc*”.

1.7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 35; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt tiền bị cáo **Nguyễn Tấn P** 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) về tội “*Đánh bạc*”.

1.8. Áp dụng điểm c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Hoàng L** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2025 đến ngày 27/6/2025.

1.9. Áp dụng điểm c, d khoản 1 Điều 322; Điều 35; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt tiền bị cáo **Trần Đức H** 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) về tội “*Tổ chức đánh bạc*”.

2. Về án phí: Các bị cáo **Trần Trường G**, **Trần Đức T**, **Trần Hoàng L**, **Trần Đức H**, **Hồ Sỹ L5**, **Cao Khắc L1**, **Nguyễn Tấn P**, **Nguyễn Đức P1** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm, TANDTC tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND khu vực 7 – Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7 – Lâm Đồng;
- CQ CSĐT CA tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 7 – Lâm Đồng;
- P. HSNVCS CA tỉnh Lâm Đồng;
- CQ THAHS CA tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa hình sự; Tổ hành chính tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Ứng